

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Long Sơn ngày 10 tháng 7 năm 2024 và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 823/TTr-STNMT ngày 22 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Long Sơn, địa chỉ tại thôn Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Xí nghiệp sản xuất giày, dép xuất khẩu tại Cụm công nghiệp Quỳnh Phúc, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên Cơ sở: Xí nghiệp sản xuất giày, dép xuất khẩu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Quỳnh Phúc, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800452421 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/11/2020; Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 14/2/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Xí nghiệp sản xuất giày, dép xuất khẩu.

1.4. Mã số thuế: 0800452421.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất giày, dép xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích 27.653,0m²; diện tích nhà xưởng cho thuê 8.640 m²; diện tích văn phòng cho thuê 840 m² văn phòng.

- Công suất: Sản xuất giày, dép các loại (chỉ bao gồm các công đoạn chặt, cắt và in các chi tiết của giày, dép) 500.000 đôi/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Long Sơn

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Long Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến ngày 25/12/2028, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Long Sơn;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Kim Thành;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 3136/GPMT-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

01 nguồn: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân Xí nghiệp và đơn vị thuê nhà xưởng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Mương thoát nước thải và nước mặt ven quốc lộ 5 rồi chảy vào mương nội đồng dẫn nước tưới tiêu trên địa bàn thôn Quỳnh Khê.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải tại hệ thống thoát nước thải và nước mặt ven quốc lộ 5.
- Toạ độ vị trí xả thải (Hệ toạ độ VN2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X (m): 2320297; Y(m): 602762.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $70 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau xử lý theo theo đường ống PVC D110, chiều dài 93m tự chảy vào hệ thống thoát nước thải và nước mặt ven quốc lộ 5.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24h/24h.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT mức B với hệ số $K = 1$), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT - cột B giá trị C_{\max} với $K = 1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thực hiện	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		
4	TDS	mg/l	1.000		

5	Amoni	mg/l	10		
6	Nitrat	mg/l	50		
7	Phosphat	mg/l	10		
8	Sunfua	mg/l	4		
9	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải nhà vệ sinh công nhân được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể phốt 3 ngăn, thể tích 72m³ rồi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D110 dài 10m.

- Nước thải phát sinh tại khu nhà văn phòng đầu xưởng số 1 được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể phốt 3 ngăn có thể tích 30m³ rồi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D110 dài 70m.

- Nước thải phát sinh tại khu nhà chuyên gia đầu xưởng số 5 được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể phốt 3 ngăn có thể tích 30m³; nước thải phát sinh tại đầu nhà xưởng số 4 được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể phốt 3 ngăn có thể tích 30m³; nước thải nhà bếp được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ 6m³. Toàn bộ nước thải được thu gom về hố ga đầu nhà xưởng số 4 rồi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D110 dài 100m.

Nước thải từ các nguồn phát sinh tự chảy về bể thu gom nước thải và được bơm lên hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm, xử lý đạt mức B QCVN 14:2008/BTNMT.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Công trình xử lý nước thải sơ bộ:

- Nước thải sinh hoạt: 01 bể phốt 03 ngăn khu nhà vệ sinh công nhân, kích thước: 9mx4mx2m= 72m³ và 03 bể phốt 03 ngăn khu văn phòng, nhà ăn, nhà ở chuyên gia kích thước: 5mx 3mx2m = 30m³. 01 bể tách mỡ khu nhà ăn chuyên gia kích thước: 2mx 2mx1,5m = 6m³.

* Công trình xử lý nước thải chung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom nước thải tập trung (V1) → Bể điều hòa (V2) → Bể thiếu khí (V3) → Bể hiếu khí 1 (V4.1) → Bể trung gian (V5) → Bể hiếu khí 2 (V4.2) → Bể lắng (V6) → Bể khử trùng (V7) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: Tối đa 70 m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật các bể:

Bể thu gom nước thải tập trung: 1,5m³; bể điều hòa: 6,72m³; bể thiếu khí: 12m³; bể hiếu khí 1: 27,45m³; bể trung gian: 1,92m³; bể hiếu khí 2: 16,1m³; bể lắng: 28,42m³; bể khử trùng: 2,88m³; bể chứa bùn: 7,44m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen: 60 lít/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Định kỳ kiểm tra các đường ống dẫn nước thải, kiểm tra các bơm, hệ thống điện, kiểm tra hoạt động của các thiết bị trong hệ thống.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Bố trí nhân viên vận hành hệ thống đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình và ghi nhật ký vận hành hệ thống.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: 01 bơm hóa chất và 01 bơm nước thải dự phòng để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời để phát hiện sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại nhà máy hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn Xí nghiệp sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống, nước thải sẽ được lưu giữ tại các bể trong hệ thống xử lý; tiến hành kiểm tra, sửa chữa. Khi sự cố kéo dài, Xí nghiệp sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu*: 01 mẫu nước thải trước hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Mẫu nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải tập trung: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Long Sơn có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.6. Trong trường hợp công suất, công nghệ của trạm xử lý nước thải tập trung không đáp ứng yêu cầu về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Công ty có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.7. Trong quá trình xả thải nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nguồn tiếp nhận, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.8. Công ty TNHH Long Sơn chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3136/GPMT-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải, phát sinh từ hoạt động pha chế, phun sơn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải phát sinh từ kho sơn có hoạt động phun sơn chi tiết giày.

2.1. Vị trí xả khí thải

Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30', múi giờ 3⁰): X(m) = 2320474; Y(m) = 602882.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.250 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục (24h/24h), cưỡng bức bằng quạt hút ly tâm.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, mức B với K_p = 1; K_v = 1) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Methyl acetat	mg/Nm ³	610		
3	Ethyl acetat	mg/Nm ³	1.400		
4	Toluen	mg/Nm ³	750		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Toàn bộ lượng bụi, khí thải phát sinh từ khu vực kho sơn được hút bằng quạt thông gió kích thước 1,4x1,4m, công suất 1,1 kW sau đó qua hộp lọc (kích thước 1,05x0,87x1m); vật liệu hấp phụ là than hoạt tính rồi qua quạt hút lưu lượng 2.250 m³/h, công suất 1,1kw, 380V. Khí sạch thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát hơi cao 5 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Xử lý bụi và khí thải phát sinh tại khu vực kho sơn (trong đó có hoạt động pha sơn và bàn phun sơn cải màu chi tiết giày):

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải từ kho sơn → Quạt thông gió → Hộp lọc khí → Quạt hút → Ống thải ra ngoài môi trường.

+ Công suất thiết kế: 2.250 m³/h.

+ Thông số kỹ thuật: 01 quạt thông gió kích thước 1,4x1,4m, công suất 1,1 kW; 01 hộp lọc khí hình chữ nhật kích thước 1,05x0,87x1m; 02 khay than hoạt tính kích thước mỗi khay là 0,95x0,87x0,35m; quạt hút lưu lượng 2.250 m³/h, công suất 1,1kw, 380V; ống thoát khí D300 cao 5m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng sử dụng 195 kg/năm, tần suất thay: 01 lần/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng tránh:

+ Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

+ Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (quạt hút,...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra sự cố.

- + Thay thế kịp thời các thiết bị hỏng.
- + Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực có thiết bị hỏng cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.
- + Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng (bắt đầu từ ngày 01/3/2025 đến hết ngày 31/8/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

01 hệ thống xử lý khí thải khu vực kho sơn.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 điểm (trên ống thải của 01 hệ thống xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Xây dựng, lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi phát sinh tại kho sơn xong trước ngày 01/3/2025.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải của Xí nghiệp đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Công ty TNHH Long Sơn chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3136/GPMT-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Từ xưởng cắt.
- Nguồn số 2: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 3: Trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: X(m) = 602881; Y(m) = 2320413.
- Nguồn số 2: Y(m) = 602899; Y(m) = 2320413.
- Nguồn số 3: Y(m) = 602772; Y(m) = 2320383.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3136/GPMT-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	08 02 01	Lỏng	KS	15
2	Chất thải y tế (chất thải lây nhiễm)	13 01 01	Rắn	NH	3,5
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	3
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	NH	72
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	35
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	KS	209
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 02	Rắn	KS	291
8	Bao bì nhựa nhiễm thành phần nguy hại	18 01 03	Rắn	KS	145
9	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	159
10	Pin/ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	01
11	Than hoạt tính	12 01 04	Rắn	NH	195
Tổng					1.128,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã CT	Trạng thái tồn tại thông thường	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	Rắn	TT-R	8.736
2	Chất thải phát sinh từ các sản phẩm da thải bỏ	10 01 08	Rắn	TT	17.472
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất thải ra không phải CTNH) thải	18 01 06	Rắn	TT-R	13.104
4	Bao bì kim loại (đã chứa chất thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	18 01 08	Rắn	TT-R	2.184
5	Bao bì vải (đã chứa chất thải ra không phải CTNH) thải	18 01 10	Rắn	TT-R	2.184
Tổng					43.680

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 11,736 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 11 thùng chứa: 5 thùng phuy 150 lít, 6 thùng nhựa HDPE 50 lít được dán tên và mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: nhà cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào kiểm soát. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy; vật liệu thấm hút; có rãnh, hố thu chất thải lỏng phòng ngừa sự cố rò rỉ dầu và chất thải lỏng ra môi trường; ngoài cửa dán biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 10 thùng rác loại 120 lít/thùng bằng nhựa HDPE kích thước 55x49x93cm và 2 xe đẩy rác.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 90 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm, có cửa ra vào bằng sắt.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 12 thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 50 lít/thùng.
- Thực hiện thu gom trong ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3136/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép theo mức A của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.